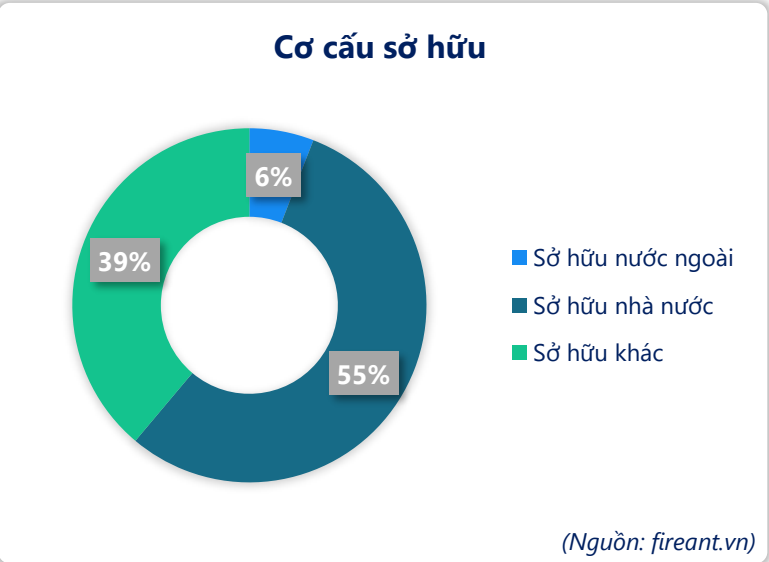
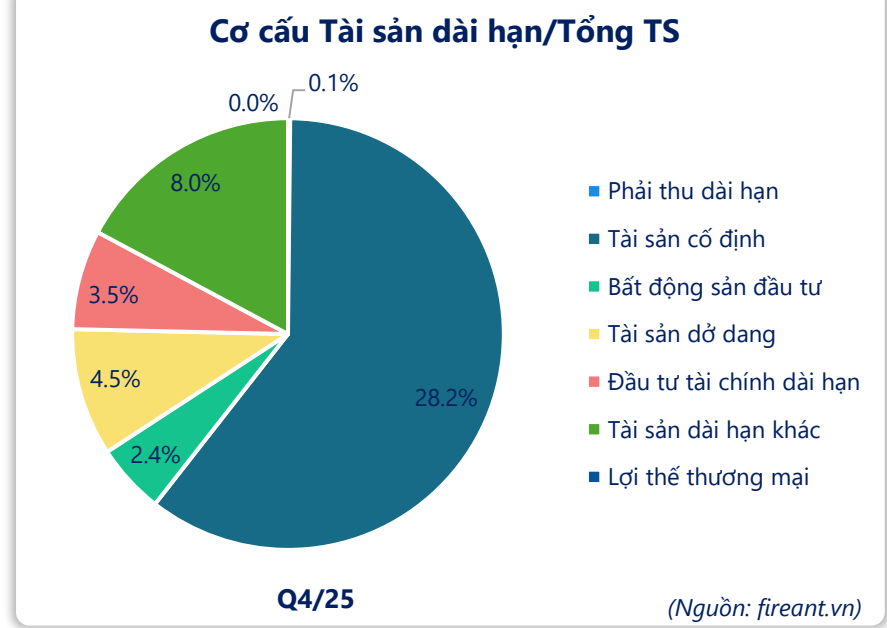
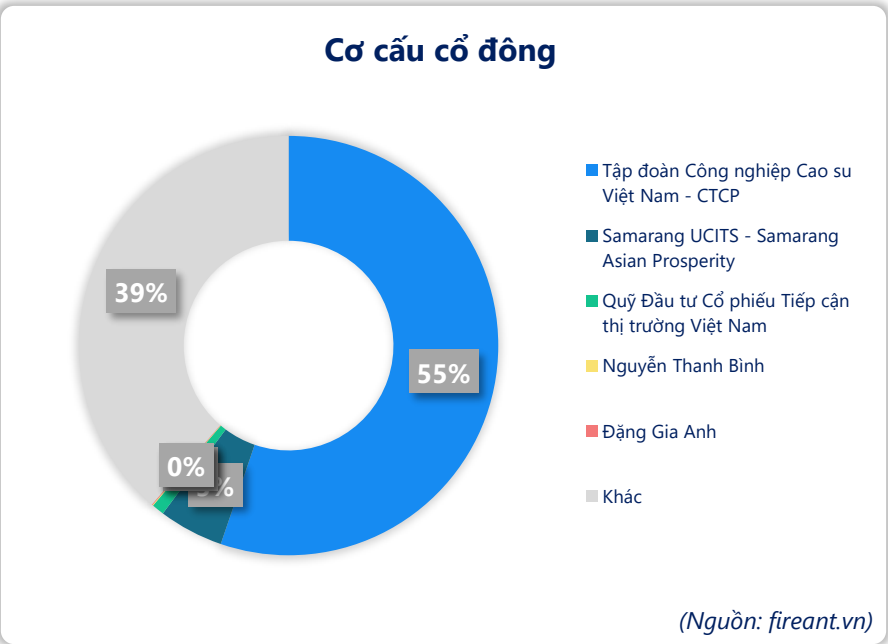
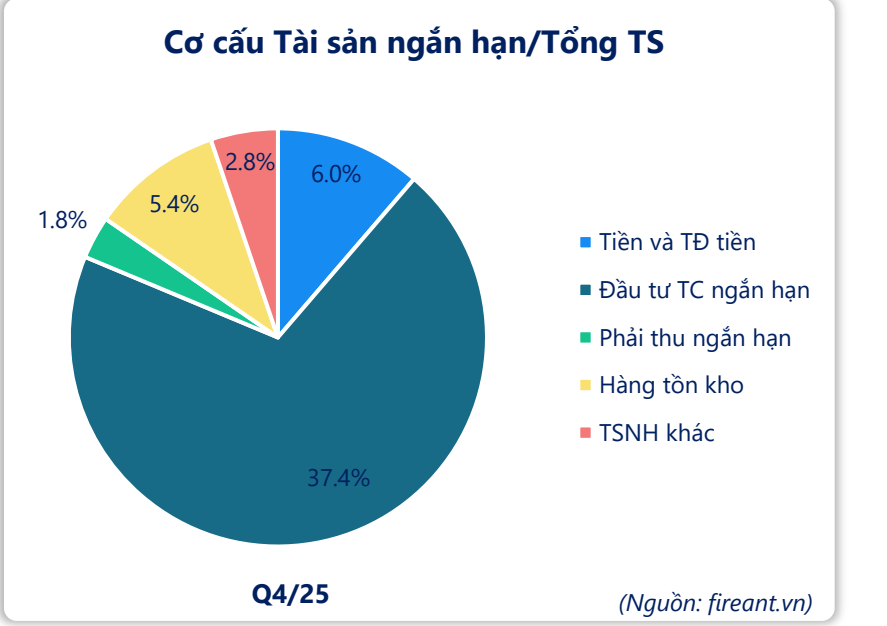
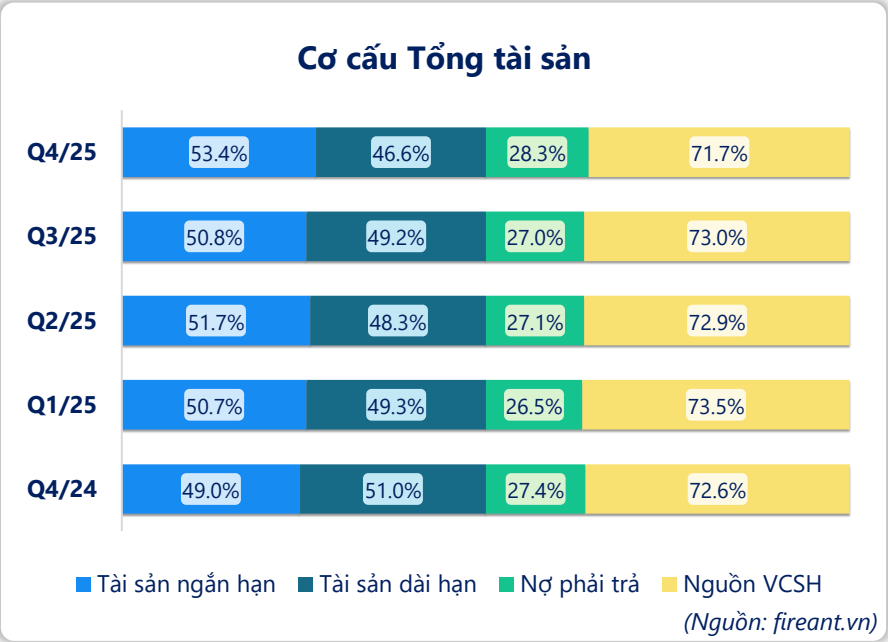


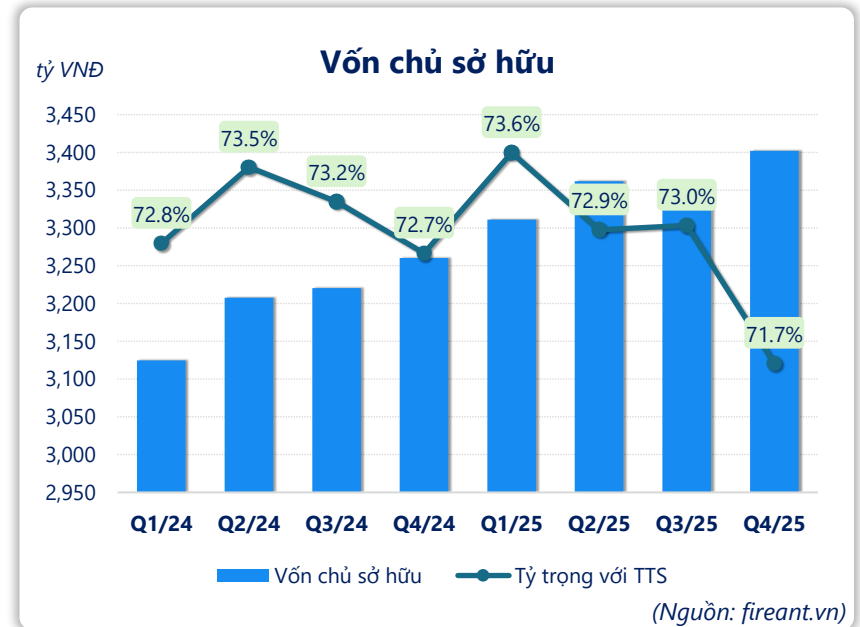
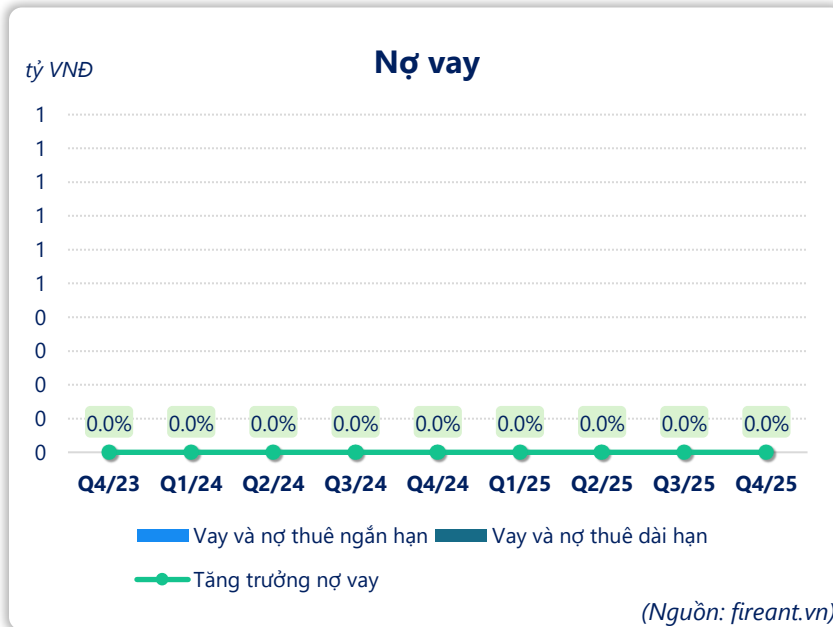
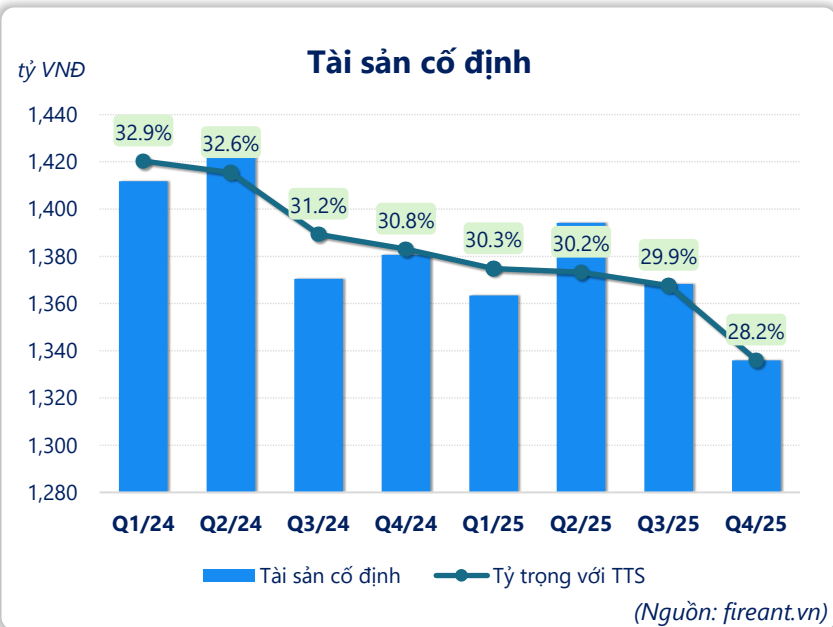
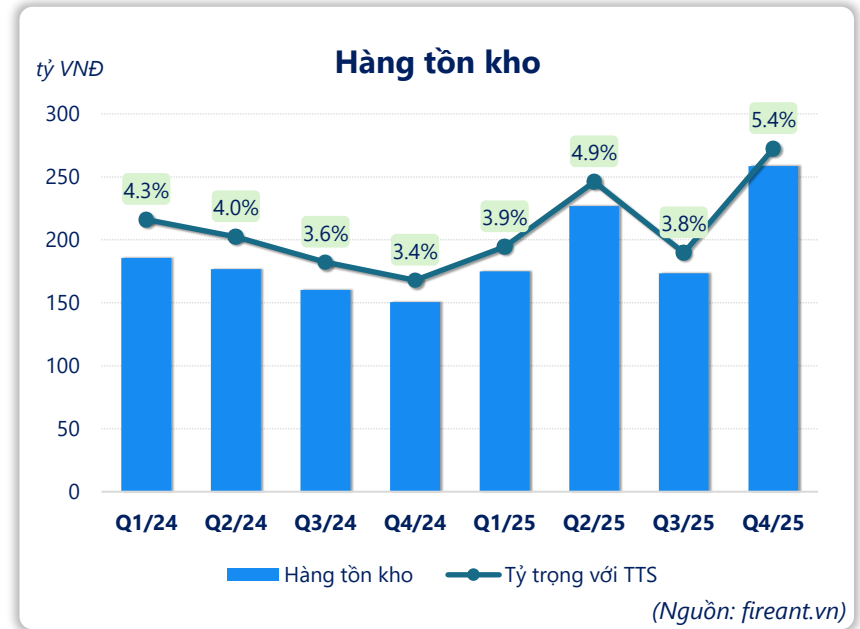
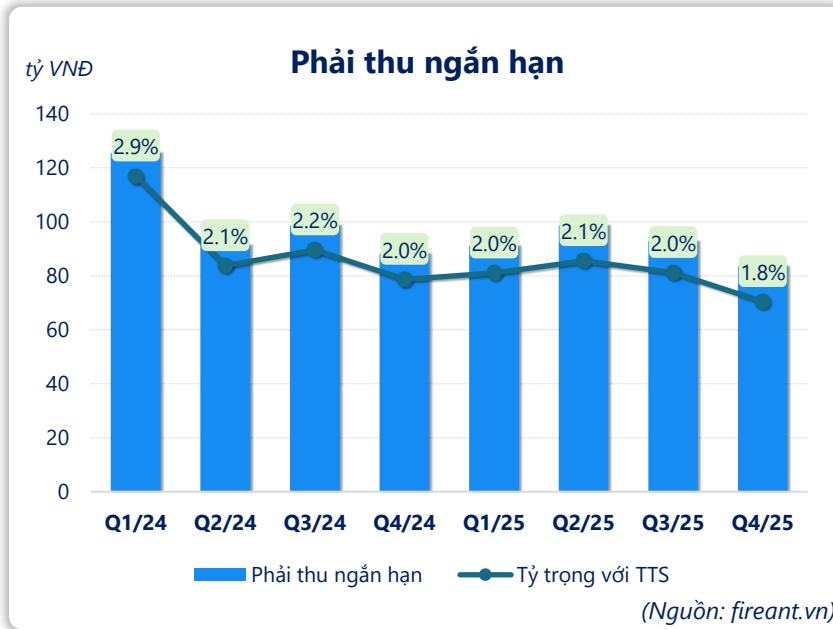
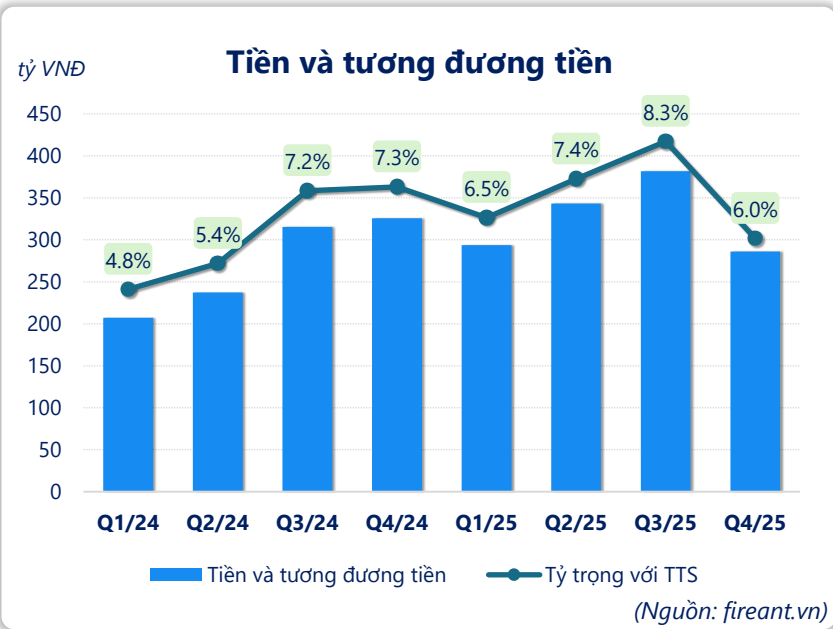
Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		38,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		49,985
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		32,990
SL cổ phiếu LH		86,885,932
KLGD BQ 20 phiên (CP)		346,885
% sở hữu nước ngoài		5.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,302
P/E		9.5
EPS		4,002

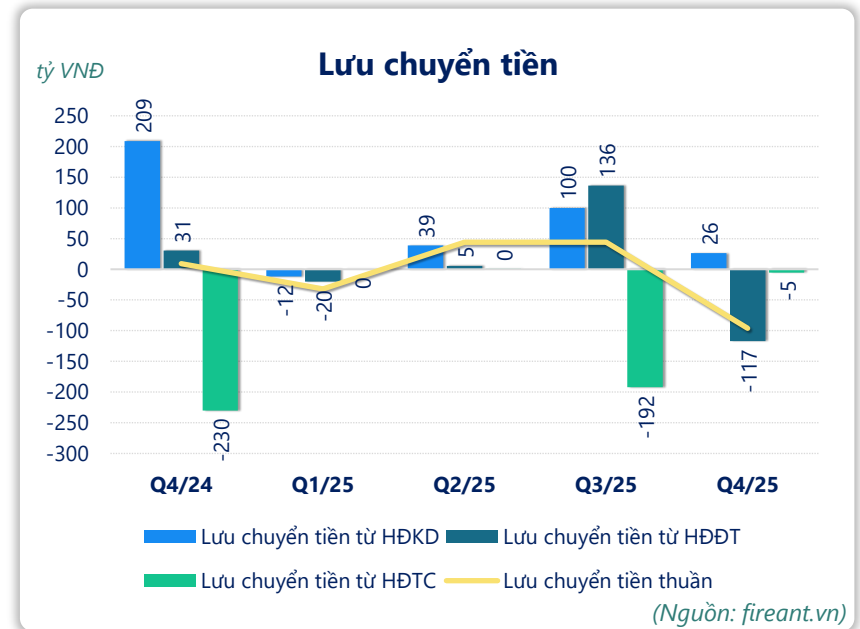
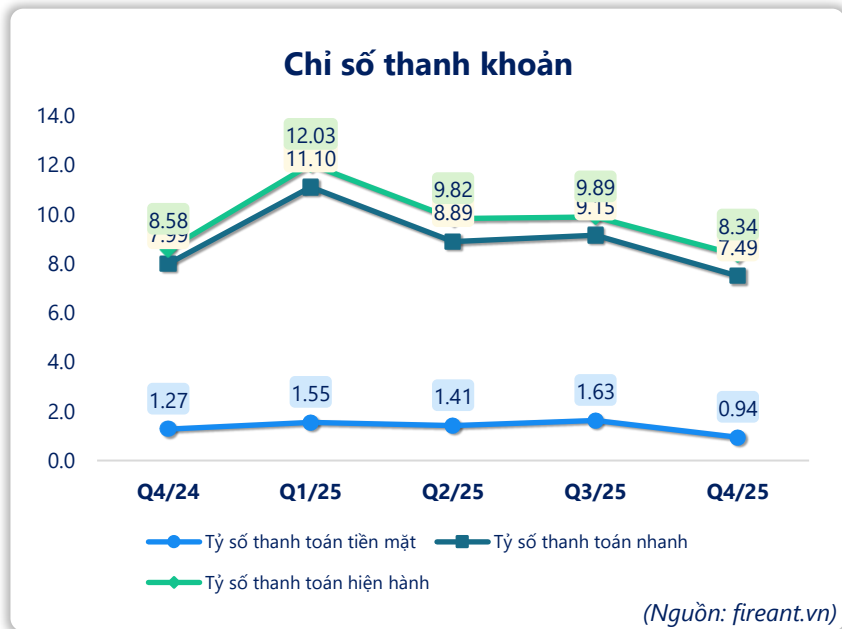
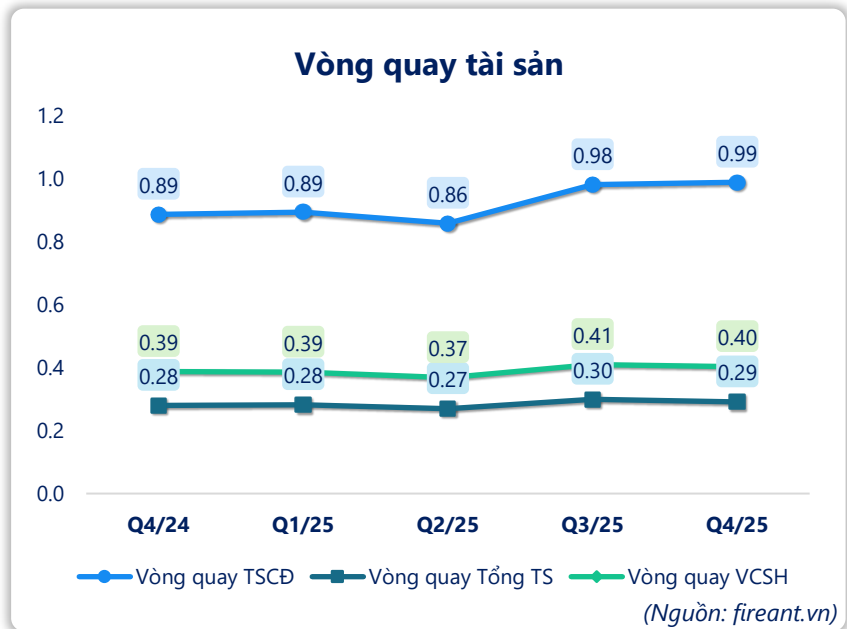
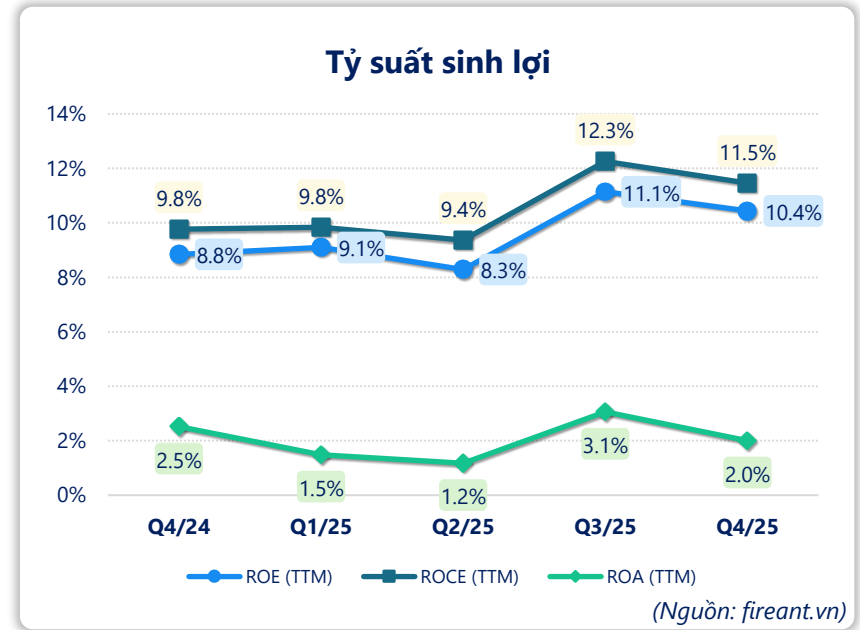
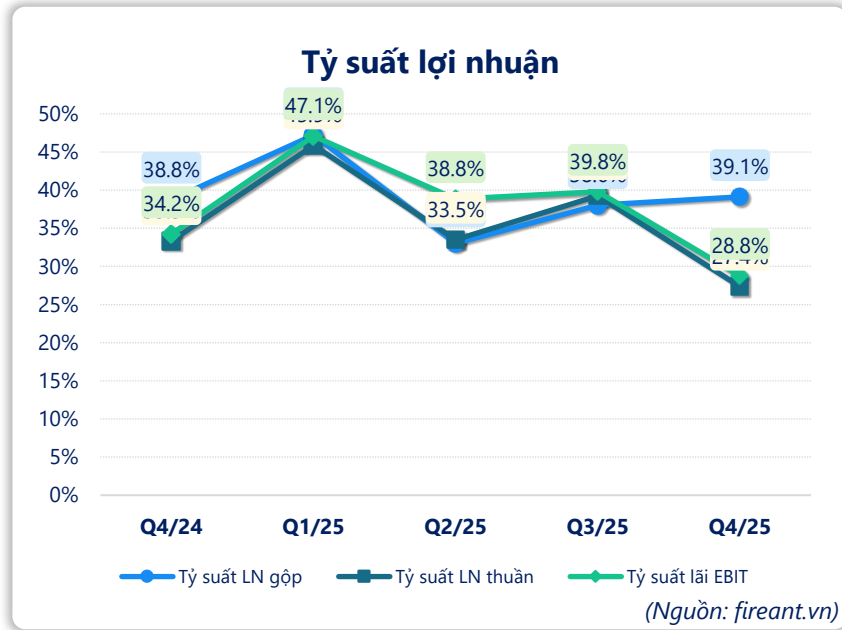
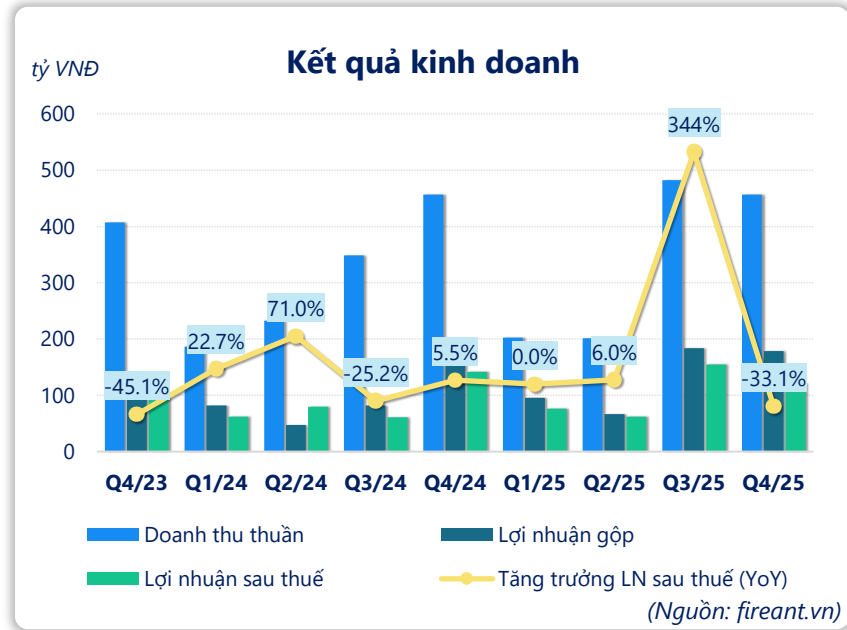
	YTD	1T	3T	6T
DPR	3.4%	-1.4%	2.7%	-2.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%



CTCP Cao su Đồng Phú (HSX: DPR)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,745	4,488	5.7%
Tài sản ngắn hạn	2,533	2,200	15.1%
Tiền và tương đương tiền	286	326	-12.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,773	1,545	14.8%
Phải thu ngắn hạn	83.5	87.5	-4.5%
Hàng tồn kho	259	151	70.8%
Tài sản ngắn hạn khác	132	91.1	44.6%
Tài sản dài hạn	2,212	2,288	-3.3%
Phải thu dài hạn	3.66	3.60	1.6%
Tài sản cố định	1,336	1,381	-3.2%
Bất động sản đầu tư	116	129	-9.8%
Tài sản dở dang	211	222	-5.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	165	170	-2.9%
Tài sản dài hạn khác	380	383	-0.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,343	1,253	7.2%
Nợ ngắn hạn	304	256	18.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	14.8	5.79	156%
Nợ dài hạn	1,039	998	4.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,402	3,235	5.2%
Vốn chủ sở hữu	3,402	3,240	5.0%
Vốn điều lệ	869	869	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	-4.94	100%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	457	203	202	482	457
Giá vốn hàng bán	280	107	135	299	278
Lợi nhuận gộp	177	95.7	66.6	183	179
Doanh thu HĐTC	30.6	23.7	25.2	34.5	30.6
Chi phí TC	3.66	0.25	1.38	0.50	3.56
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	6.50	3.55	2.71	3.46	6.51
Chi phí QLDN	45.2	22.6	20.1	24.8	74.2
LN thuần từ HĐKD	152	92.9	67.5	189	125
Lợi nhuận khác	4.19	2.44	10.7	2.72	6.46
LN trước thuế	156	95.4	78.3	192	131
Lợi nhuận sau thuế	141	76.2	62.0	155	121
LNST của CĐ cty mẹ	110	65.3	52.7	137	92.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	209	-11.7	38.6	99.9	26.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	30.5	-20.2	5.29	136	-117
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-230	-0.28	0.13	-192	-5.22
Tiền đầu kỳ	316	326	294	343	382
Lưu chuyển tiền thuần	9.21	-32.2	44.0	44.1	-96.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.83	0.26	5.62	-5.88	0.78
Tiền cuối kỳ	326	294	343	382	286

(Nguồn: fireant.vn)